

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/01/2022

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Dương Khánh C và anh Hà Hằng H”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thiết.
2. Bà Dương Thị Ninh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Dương Khánh C, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Nhà thấp tầng số C12A – Lô C – Dự án khu nhà ở Bộ tư lệnh thủ đô, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

** Bị đơn:* Anh Hà Hằng H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn 20, xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Dương Khánh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Hằng H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị và anh H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, khi kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 31/8/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu

thuần là do anh H ham chơi dẫn đến nợ nần; anh H là cán bộ của Trại giam Quyết Tiến – Bộ Công an, thời điểm đó do nợ nần nhiều không khắc phục được nên phải viết đơn tự nguyện xin ra quân, từ đó anh H bỏ đi làm ăn ở đâu chị không biết; cũng từ đó chị và anh H sống ly thân, không còn tình cảm, không có sự gắn kết với nhau. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không thể quay lại chung sống. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Hằng H.

Về con chung: Chị Dương Khánh C xác định chị và anh Hà Hằng H có 01 con chung, cháu Hà Khánh N, sinh ngày 08/02/2019. Hiện nay con chung của chị và anh H đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu có cuộc sống ổn định, được đi học. Khi ly hôn chị đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Khánh N, là con chung của chị với anh H. Trong đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng, nhưng tại bản tự khai chị thay đổi quan điểm, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; anh H có quyền đi lại thăm nom con chung chị không ngăn cản.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Dương Khánh C xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Hà Hằng H đến để giải quyết vụ án; văn bản tố tụng Tòa án gửi theo đường bưu điện và niêm yết theo quy định nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh H. Kết quả xác minh thể hiện, anh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 20, xã Đ, huyện H; ông Hà Văn T, bố đẻ của anh H cung cấp thông tin, anh H hiện đang đi làm ăn xa, thường xuyên không có nhà nhưng vẫn liên lạc với gia đình. Việc Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác ông T nhận được đều có thông báo cho anh H biết nội dung, nhưng anh H do việc làm ăn kiếm sống không thể về được. Do vậy, việc anh H không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức chủ quan của anh H là không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, anh H có gửi qua đường Bưu điện cho Tòa án nhân dân huyện H 01 bản tự khai và 01 đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai anh H xác nhận anh và chị Dương Khánh C có quan hệ hôn nhân hợp pháp và hoàn toàn tự nguyện, vợ chồng kết hôn năm 2018. Nhưng chung sống đến cuối năm 2018 đã phát sinh mâu thuẫn, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị C xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, anh H trình bày do đang đi làm ăn xa, không có điều kiện để về giải quyết ly hôn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử việc ly hôn giữa anh và chị C vắng mặt anh theo quy định. Anh giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong bản tự khai anh đã gửi đến Tòa án.

Kết quả xác minh cũng thể hiện về các mối quan hệ của chị C và anh H như sau: Chị Dương Khánh C và anh Hà Hằng H có quan hệ vợ chồng hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Việc vợ chồng chị C anh H mâu thuẫn với nhau cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Tuy nhiên, từ năm 2019 anh H đi làm ăn ở đâu không biết nhưng thỉnh thoảng mới về nhà; chị C và anh H có 01 con chung, con chung của anh chị đang ở cùng chị C, do chị C nuôi dưỡng, hai mẹ con ở Hà Nội. Về tài sản chung của chị C và anh H địa phương không nắm được, tại địa phương anh chị không có nhà ở, đất đai chung. Vay nợ chung của chị C và anh H địa phương không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Dương Khánh C được ly hôn với anh Hà Hằng H. Giao cháu Hà Khánh N, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2019 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị C chưa yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị C xác nhận vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, vay nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị Dương Khánh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hà Hằng H không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Dương Khánh C; nội dung bản tự khai của anh Hà Hằng H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Khánh C và anh Hà Hằng H tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Tuyên Quang năm 2018. Cuộc sống chung vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ cuối năm 2018 cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, không còn có sự gắn kết, không còn quan tâm đến nhau nữa. Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần

chấp nhận yêu cầu của chị Dương Khánh C, xử cho chị C được ly hôn với anh Hà Hằng H.

[2] Về con chung: Theo ý kiến trình bày của chị C và ý kiến trong bản tự khai của anh H và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, chị C và anh H có 01 con chung, cháu Hà Khánh N, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2019; từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do chị C trực tiếp nuôi dưỡng, có môi trường sống ổn định. Nên cần chấp nhận đề nghị của chị C và ý kiến của anh H thể hiện tại bản tự khai, giao cháu Hà Khánh N, là con chung của chị C anh H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; do chị C chưa yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự đều xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của anh Hà Hằng H: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị C và anh H, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh H vắng mặt là do có nguyên nhân về điều kiện cá nhân; kết quả xác minh đã thể hiện anh H vẫn cư trú tại địa phương và có đăng ký hộ khẩu tại thôn 20, xã Đ, huyện H, ở cùng nhà với ông Hà Văn Tác. Các thủ tục tổng đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt; anh H cũng biết đầy đủ nội dung chị C làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn tại Tòa án.

[5] Về án phí: Chị Dương Khánh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Hà Hằng H không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Khánh C được ly hôn với anh Hà Hằng H.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Khánh N, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2019, cho chị Dương Khánh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hà Hằng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị C chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Khánh C phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0004517 ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Hà Hằng H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Văn Thiết - Dương Thị Ninh

Lương Thanh Huyền

